

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VIỆT HẢI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VIỆT HẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET HAI PRODUCTION AND TRADING INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108600877

**3. Ngày thành lập:** 23/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 14 ngõ 364 ngách 60, đường Giải Phóng, Tổ 5, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8531     |
| 2.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1075     |
| 3.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xút;<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;<br>- Sản xuất dấm;<br>- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.<br>- Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);<br>- Sản xuất men bia;<br>- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;<br>- Sản xuất sữa tách bơ và bơ;<br>- Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;<br>- Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt;<br>- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;<br>- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng. | 1079     |
| 4.  | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1072     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1073(Chính) |
| 6.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                      | 4719        |
| 7.  | Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1074        |
| 8.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8533        |
| 9.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1050        |
| 10. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1062        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633        |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;                                                                                                                                            | 4659        |
| 14. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8292        |
| 15. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo trên không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4721        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến;<br>- Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;<br>- Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến;<br>- Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến;<br>- Bánh, mứt, kẹo, các sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột;<br>- Thực phẩm khác. | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4723        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 20. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...                                                                                                                                                                                                          | 4632        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                             | 4711 |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 23. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1071 |
| 24. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8532 |
| 25. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;                                                              | 8559 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THỊ MAI CHI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 16/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036182000300

Ngày cấp: 22/12/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 14 ngõ 364 ngách 60, đường Giải Phóng, Tổ 5 tập thể Ga Giáp Bát, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà số 14 ngõ 364 ngách 60, đường Giải Phóng, Tổ 5 tập thể Ga Giáp Bát, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ MAI CHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036182000300

Ngày cấp: 22/12/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 14 ngõ 364 ngách 60, đường Giải Phóng, Tổ 5 tập thể Ga Giáp Bát, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà số 14 ngõ 364 ngách 60, đường Giải Phóng, Tổ 5 tập thể Ga Giáp Bát, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội